

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC HUY DŨNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC HUY DŨNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY DUNG PRECISION MECHANICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110078400

**3. Ngày thành lập:** 29/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 16, ngõ 464/2 đường Phúc Diễn, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977560816

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                     | 4329        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa) | 4610        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                    | 4659        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                            | 4663        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                       | 2220        |
| 6.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                      | 2431        |
| 7.  | Đúc kim loại màu                                                                                                                                   | 2432        |
| 8.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                     | 2511        |
| 9.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                         | 2512        |
| 10. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                   | 2591        |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công về khuôn mẫu, khuôn đùn ép                                                      | 2592(Chính) |
| 12. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                        | 2593        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                        | 2599        |
| 14. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                     | 2710        |
| 15. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                | 2731        |
| 16. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                             | 2732        |
| 17. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                            | 2733        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 18. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                           | 2740                                                                |
| 19. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                   | 2750                                                                |
| 20. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                 | 2790                                                                |
| 21. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                                                                                                                                      | 2811                                                                |
| 22. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                              | 2812                                                                |
| 23. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                  | 2813                                                                |
| 24. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                                | 2814                                                                |
| 25. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                                                                      | 2815                                                                |
| 26. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                   | 2816                                                                |
| 27. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                               | 2817                                                                |
| 28. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                       | 2818                                                                |
| 29. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                | 2819                                                                |
| 30. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                      | 2821                                                                |
| 31. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                               | 2822                                                                |
| 32. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                                                                                                                      | 2823                                                                |
| 33. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                       | 2824                                                                |
| 34. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                               | 2829                                                                |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4752                                                                |
| 36. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐOÀN THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036186018352

Ngày cấp: 13/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 10, Xã Hải Phương, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 16, ngõ 464/2 đường Phúc Diễn, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội